BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 27/09/2023

26/09/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,137.96	-1.32%	1,153.37	-0.57%	229.75	-0.75%
Tổng KLGD (tr. cp)	**1,046.88**	**-3.71%**	**305.54**	**-8.76%**	**127.72**	**-16.23%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**958.20**	**-3.66%**	**242.87**	**-8.00%**	**120.53**	**-7.67%**
TB 20 phiên (tr. cp)	977.91	-2.01%	248.23	-2.16%	113.14	6.53%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**21,625**	**-8.00%**	**8,259**	**-11.39%**	**2,236**	**-17.61%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**19,902**	**-7.97%**	**7,090**	**-10.40%**	**2,123**	**-10.54%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	22,072	-9.83%	7,990	-11.26%	2,236	-5.04%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	180	32%	9	30%	62	26%
Số mã giảm	317	57%	19	63%	129	54%
Số mã đứng giá	62	11%	2	7%	48	20%

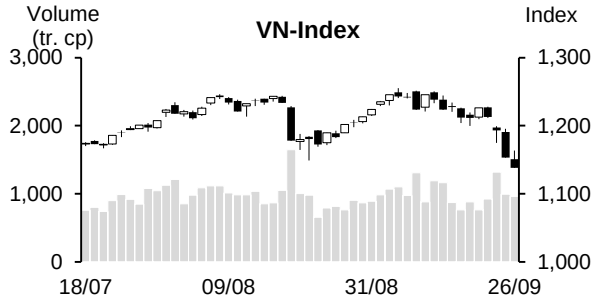

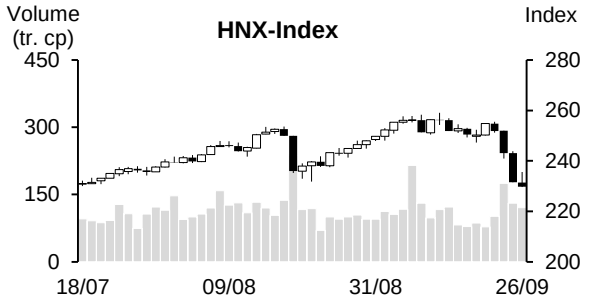

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động như tàu lượn trong phiên giao dịch ngày thứ ba. Các chỉ số chính liên tục đổi màu trong phiên với biên độ rộng trong bối cảnh thanh khoản còn thấp. Điểm nhấn của thị trường đến vào nửa cuối phiên chiều khi dòng tiền bắt đáy xuất hiện ở nhóm chứng khoán giúp VN-Index có lúc tăng đến hơn 10 điểm. Tuy nhiên, sự hưng phấn của các nhà đầu tư chẳng thể kéo dài quá lâu khi lực bán nhanh chóng được kích hoạt ở hầu hết các nhóm cổ phiếu còn lại đã khiến thị trường trượt dốc không phanh để rồi đóng cửa tại mức thấp nhất phiên. Trong đó, sức ép tập trung chủ yếu ở các trụ cột ngân hàng và bất động sản. Trong bối cảnh ấy, khối ngoại gây chú ý khi tiếp tục có động thái giải ngân mua cổ phiếu Việt Nam.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có giảm điểm mạnh thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực chốt lời vẫn khá mạnh. Không những vậy, chỉ số thủng đáy cũ 1.150 điểm và tiếp tục đóng cửa dưới MA5, cùng với đường MA5, 10, 20 tạo trạng thái phân kỳ âm, thể hiện xu hướng giảm đang chi phối đường giá. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng hỗ trợ gần quanh 1.100 – 1.110 điểm (MA200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục giảm điểm và đóng cửa dưới MA20, cùng với MACD hướng xuống dưới Signal duy trì tín hiệu bán, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục chịu áp lực giảm về vùng hỗ trợ gần quanh 221 điểm (MA200). Nhìn chung, thị trường vẫn nằm trong xu hướng giảm ngắn hạn sau phiên 26/9. Do đó, nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng lướt sóng ở mức thấp nhằm hạn chế rủi ro bất ngờ từ thị trường chung.

Cổ phiếu khuyến nghị: BVH (Mua)

Cổ phiếu quan sát: PC1, DPG

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BVH	Mua	27/09/23	42	42	0.0%	44.7	6.4%	41.5	-1.2%	Cổ phiếu ở trạng thái bị quá bán và có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Cắt lỗ	Tín hiệu kỹ thuật
1	PC1	Quan sát mua	27/09/23	28.6	29.2-29.5	26	Tín hiệu giảm quá bán trong ngắn hạn + về gần MA200 -> khả năng có nhịp hồi trở lại nếu tiếp tục giảm về quanh 27
2	DPG	Quan sát mua	27/09/23	35.9	38-39	32	Tín hiệu giảm quá bán trong ngắn hạn + hỗ trợ gần vùng 32.5-34 -> khả năng có nhịp hồi trở lại nếu tiếp tục giảm về đây

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BWE	Mua	08/08/23	46	46.3	-0.6%	55.8	20.5%	44.3	-4.3%	
2	SAB	Nắm giữ	25/08/23	75.3	76.8	-2.0%	92	19.8%	75	-2%	
3	DHG	Mua	28/08/23	116.2	115.7	0.4%	140	21%	113	-2%	
4	TCM	Mua	11/09/23	47.4	49.25	-3.8%	57	15.7%	47	-5%	
5	MIG	Mua	18/09/23	17.6	18.45	-4.6%	21.5	16.5%	17.3	-6%	
6	VJC	Mua	22/09/23	98	99.3	-1.3%	116.3	17%	96	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại

Theo số liệu mới nhất được Ngân hàng Nhà nước công bố, lãi suất bình quân liên ngân hàng tại kỳ hạn qua đêm (kỳ hạn chính chiếm khoảng 85 - 90% giá trị giao dịch) đã tăng lên 0,17% trong phiên 22/9 từ mức 0,14% ghi nhận vào phiên 21/9. Lãi suất các kỳ hạn chủ chốt khác cũng có xu hướng tăng như: kỳ hạn 1 tuần tăng từ 0,33% lên 0,39%; kỳ hạn 2 tuần tăng từ 0,4% lên 0,47%; kỳ hạn 1 tháng tăng từ 1,03% lên 1,65%.

Lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại sau khi NHNN có hai phiên hút ròng VND thông qua kênh tín phiếu. Theo đó, liên tiếp trong hai phiên 21/9 và 22/9, Nhà điều hành đã chào thầu thành công gần 20.000 tỷ đồng tín phiếu 28 ngày. Dù nhích tăng, lãi suất liên ngân hàng hiện vẫn nằm trong vùng thấp lịch sử và chênh lệch lãi suất giữa USD – VND tiếp tục duy trì ở mức cao kỷ lục.

Trong phiên 25/9, NHNN tiếp tục chào bán tín phiếu 28 ngày theo cơ chế đấu thầu lãi suất. Kết quả có 4/13 thành viên tham gia trúng thầu với tổng khối lượng là 10.000 tỷ đồng, lãi suất 0,49% - thấp hơn phiên trước đó (0,5%) và phiên 21/9 (0,69%).

Trên kênh cầm cố giấy tờ có giá, tiếp tục không có nghiệp vụ mới phát sinh và lượng lưu hành vẫn duy trì ở mức 0. Tính chung, NHNN đã rút ra khỏi hệ thống 10.000 tỷ đồng trong phiên giao dịch 25/9.

Như vậy, trong 3 phiên giao dịch gần nhất, NHNN đã hút ròng gần 30.000 tỷ ra khỏi hệ thống ngân hàng thông qua kênh tín phiếu.

NHNN tăng cường độ hút tiền về, thêm 20.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu trong phiên 26/9

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa công bố kết quả đấu thầu thị trường mở trong phiên hôm nay (26/9). Theo đó, cơ quan này tiếp tục chào bán tín phiếu 28 ngày theo cơ chế đấu thầu lãi suất. Kết quả có 9/11 thành viên tham gia trúng thầu với tổng khối lượng là 20.000 tỷ đồng, lãi suất 0,58% - cao hơn phiên hôm qua (0,49%).

Trước đó, liên tiếp trong 3 phiên 21/9, 22/9 và 25/9, Nhà điều hành đã chào thầu thành công tổng cộng 30.000 tỷ đồng tín phiếu 28 ngày (10.000 tỷ/phiên) và không phát sinh nghiệp vụ trên thị trường mở; qua đó rút khỏi hệ thống ngân hàng lượng tiền tương ứng.

Như vậy, trong 4 phiên giao dịch vừa qua, NHNN đã hút ròng tổng cộng gần 50.000 tỷ ra khỏi hệ thống ngân hàng thông qua kênh tín phiếu.

Kinh tế khó khăn, xuất khẩu cá tra sang Đức liên tiếp giảm

Dẫn số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) cho biết, lũy kế 8 tháng đầu năm 2023 xuất khẩu cá tra sang Đức đạt 23 triệu USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái. Tháng 8/2023, xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Đức đạt hơn 2 triệu USD, giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là tháng thứ 3 liên tiếp, xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Đức ghi nhận tăng trưởng âm.

Tính đến hết tháng 8/2023, Đức vẫn duy trì vị trí số 2 trong khối thị trường EU về nhập khẩu cá tra Việt Nam sau Hà Lan, đóng góp 20% giá trị vào tổng nhập khẩu của EU.

Giá gạo xuất khẩu rời xa đỉnh, về sát mốc 600 USD/tấn

Theo dữ liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), trong phiên giao dịch ngày 25/9, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục xu hướng giảm.

Cụ thể, giá gạo 5% tấm xuất khẩu giảm 5 USD/tấn về mức 608 USD/tấn; giá gạo 25% tấm cũng có mức giảm tương tự, còn 593 USD/tấn.

So với mức đỉnh 643 USD/tấn thiết lập ngày 31/8, đến nay giá gạo 5% tấm xuất khẩu của nước ta đã giảm 35 USD/tấn, lùi dần về mốc 600 USD/tấn. Gạo 25% tấm sau khi đạt mức đỉnh 628 USD/tấn vào ngày 28/8, nay cũng giảm còn 593 USD/tấn.

Tuy nhiên, so với hàng cùng loại của Thái Lan, giá gạo 5% và 25% tấm của nước ta vẫn cao hơn, lần lượt ở mức 8 USD/tấn và 49 USD/tấn.

Thống kê sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, trong 15 ngày đầu tháng 9, nước ta xuất bán khoảng 308 nghìn tấn gạo các loại, thu về 190,4 triệu USD. Luỹ kế đến giữa tháng 9 năm nay, lượng gạo xuất khẩu lên đến 6,12 triệu tấn, giá trị đạt 3,35 tỷ USD.

Nguồn: Fireant, Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

HPG: Sản xuất HRC quý 3/2023 ước đạt 750 tấn

Theo đại diện CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG), các đơn hàng thép cuộn cán nóng (HRC) trong quý 3/2023 đạt 100% công suất của nhà máy (250.000 tấn/tháng). Nhu cầu chủ yếu tới từ kênh xuất khẩu, do các lò cao tại châu Âu tạm dừng hoạt động để bảo trì từ tháng 7/2023, khiến các nhà phân phối đẩy mạnh nhập khẩu và tích trữ hàng tồn kho.

Sản lượng tiêu thụ HRC của Tập đoàn Hòa Phát trong tháng 7 và tháng 8/2023 lần lượt đạt 291.000 tấn và 241.000 tấn, với các thị trường xuất khẩu chính tại châu Âu và châu Á.

Tới cuối tháng 8/2023, dự án Dung Quất 2 đã hoàn thành nền móng, tiến độ giải phóng mặt bằng đạt 90%. Hòa Phát dự kiến dự án Dung Quất 2 sẽ có sản phẩm HRC đầu tiên từ quý 1/2025, với công suất 1,5 triệu tấn/năm cho giai đoạn 1.

VHC: Gập ghềnh phục hồi trong quý 3, kỳ vọng đặt vào dịp lễ hội cuối năm

Các dữ liệu cho thấy hoạt động xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ của Công ty Cổ phần Thuỷ sản Vĩnh Hoàn (Thuỷ sản Vĩnh Hoàn, mã cổ phiếu VHC – sàn HoSE) trong hai tháng đầu của quý 3/2023 chưa có sự phục hồi chắc chắn. Thuỷ sản Vĩnh Hoàn hiện là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam, chiếm thị phần chi phối tại Mỹ, Canada, và Anh.

Cụ thể, sản lượng cá tra xuất khẩu đi Mỹ của Thuỷ sản Vĩnh Hoàn trong tháng 7/2023 là 5.750 tấn (giảm 8,7% so với tháng 6/2023) và trong tháng 8/2023 là 6.200 tấn (tăng 8% so với tháng 7/2023). Về giá bán, giá cá tra xuất khẩu trong tháng 7/2023 là 3,13 USD/kg (giảm 10,5% so với tháng 6/2023) và trong tháng 8/2023 là 3,1 USD/kg (giảm 1% so với tháng 7/2023).

Trong quý 2/2023, biên lợi nhuận gộp của Thuỷ sản Vĩnh Hoàn đã tăng 3,3 điểm phần trăm so với quý 1/2023, chủ yếu do sự hồi phục của giá cá tra xuất khẩu đi Mỹ. Sang quý 3/2023, giá cá tra xuất khẩu đi Mỹ hiện tại đã giảm khoảng 16% so với mức trung bình của quý 2/2023. Do đó, biên lợi nhuận gộp của Thuỷ sản Vĩnh Hoàn có thể sẽ bị thu hẹp trở lại trong quý 2/2023.

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu cá tra của Thuỷ sản Vĩnh Hoàn sang Mỹ được kỳ vọng sẽ có sự hồi phục trở lại trong quý 4/2023 và kéo dài sang năm 2024 khi lượng tồn kho tại Mỹ đã giảm đáng kể và nhu cầu dần hồi phục.

CNG ước doanh thu 9 tháng giảm 27%

CTCP CNG Việt Nam (HOSE: CNG), công ty con của Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas, HOSE: GAS), đã hé lộ một số chỉ tiêu kinh doanh 9 tháng năm 2023. CNG thông báo doanh thu 9 tháng năm 2023 ước đạt 2.37 ngàn tỷ đồng, tương ứng 93% kế hoạch 9 tháng, thấp hơn cùng kỳ 27%. Sản lượng tiêu thụ CNG (khí thiên nhiên nén) ước gần 186 triệu Sm3, đạt 87% kế hoạch.

Nguồn: Fireant, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
MSN	73,000	3.84%	0.08%
CTG	30,300	1.68%	0.05%
HPG	26,200	0.77%	0.03%
SSI	30,900	1.81%	0.02%
MBB	18,250	0.83%	0.02%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
MBS	20,700	5.08%	0.14%
HUT	21,100	1.93%	0.12%
SHS	16,400	1.86%	0.08%
PVS	36,100	1.40%	0.08%
DTK	11,000	2.80%	0.07%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	87,000	-2.58%	-0.28%
VHM	45,000	-4.26%	-0.19%
VIC	45,000	-3.23%	-0.12%
GVR	18,950	-6.88%	-0.12%
BID	44,350	-1.66%	-0.08%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
CEO	20,700	-4.17%	-0.15%
NVB	12,400	-4.62%	-0.11%
KSV	38,000	-3.55%	-0.09%
TNG	18,500	-7.04%	-0.05%
IPA	15,500	-4.32%	-0.05%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VIX	15,700	-5.14%	56,094,816
VND	20,650	-1.67%	40,839,710
SSI	30,900	1.81%	38,712,113
NVL	15,150	-6.48%	33,780,982
HPG	26,200	0.77%	30,849,974

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	16,400	1.86%	33,079,168
CEO	20,700	-4.17%	11,109,817
HUT	21,100	1.93%	6,768,255
MBS	20,700	5.08%	6,428,795
PVS	36,100	1.40%	5,758,159

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SSI	30,900	1.81%	1,213.4
VIX	15,700	-5.14%	912.8
VND	20,650	-1.67%	869.3
HPG	26,200	0.77%	813.0
VIC	45,000	-3.23%	689.0

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHS	16,400	1.86%	550.5
CEO	20,700	-4.17%	238.2
PVS	36,100	1.40%	208.9
IDC	46,100	-0.86%	151.2
HUT	21,100	1.93%	144.2

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SHB	45,869,067	521.93
VJC	2,768,430	265.77
HDB	8,235,500	143.30
VSC	4,632,000	134.90
VHM	2,172,855	103.53

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SHS	5,900,000	85.55
DNP	628,000	13.82
HUT	385,000	8.00
GKM	100,000	3.59
TKG	146,000	1.18

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	81.29	2,181.25	61.92	1,531.87	19.37	649.36
HNX	2.56	51.11	1.11	23.85	1.45	27.26
Tổng 2 sàn	**83.85**	**2,232.36**	**63.03**	**1,555.72**	**20.82**	**676.62**

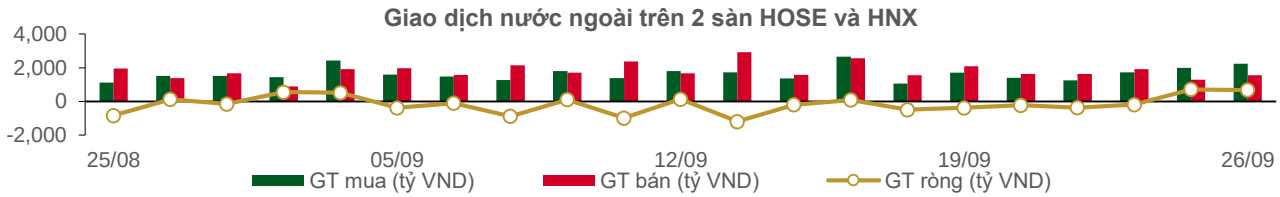

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
HPG	26,200	8,781,478	231.22
SSI	30,900	5,965,557	187.63
E1VFVN30	19,990	5,157,100	103.42
VNM	76,100	1,189,105	91.29
VCB	87,000	974,010	86.48

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
HUT	21,100	1,732,446	36.91
TNG	18,500	396,008	7.60
CEO	20,700	64,946	1.42
IDC	46,100	27,100	1.27
VIG	8,300	100,000	0.85

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
FUESSVFL	18,430	6,871,400	126.69
E1VFVN30	19,990	4,608,700	92.45
MWG	51,500	1,766,852	90.31
VNM	76,100	1,172,335	89.94
HPG	26,200	2,814,840	74.28

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SHS	16,400	325,458	5.45
TNG	18,500	228,300	4.50
PVS	36,100	104,085	3.75
IDC	46,100	59,611	2.80
PVI	49,800	42,100	2.07

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	26,200	5,966,638	156.94
SSI	30,900	4,274,099	134.70
DGC	90,500	833,293	76.68
VCB	87,000	336,229	29.85
VIC	45,000	550,919	24.98

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HUT	21,100	1,712,216	36.48
TNG	18,500	167,708	3.10
CEO	20,700	37,546	0.83
VIG	8,300	33,000	0.27
TIG	9,900	23,300	0.24

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
FUESSVFL	18,430	(6,380,700)	(117.64)
GVR	18,950	(2,475,200)	(48.99)
MWG	51,500	(743,452)	(38.02)
VND	20,650	(1,537,155)	(33.84)
STB	31,350	(964,994)	(30.62)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SHS	16,400	(307,158)	(5.14)
PVS	36,100	(102,585)	(3.70)
PVI	49,800	(38,100)	(1.87)
IDC	46,100	(32,511)	(1.53)
NVB	12,400	(102,100)	(1.30)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	19,990	-2.8%	5,493,876	110.18
FUEMAV30	13,650	-0.1%	17,300	0.24
FUESSV30	14,320	0.1%	24,186	0.35
FUESSV50	18,600	-0.8%	6,700	0.12
FUESSVFL	18,430	-3.0%	6,939,309	127.95
FUEVFVND	26,070	-0.5%	923,565	24.13
FUEVN100	15,300	-2.4%	306,508	4.72
FUEIP100	8,590	-0.9%	1,605	0.01
FUEKIV30	7,650	-0.4%	3,300	0.03
FUEDCMID	10,120	-1.6%	24,900	0.25
FUEKIVFS	10,770	0.0%	3	0.00
FUEMAVND	10,940	-0.5%	2,700	0.03
FUEFCV50	15,750	-7.0%	5,420	0.09
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00
Tổng cộng			**13,749,372**	**268.09**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	103.42	92.45	10.98
FUEMAV30	0.20	0.09	0.11
FUESSV30	0.15	0.16	(0.01)
FUESSV50	0.03	0.00	0.03
FUESSVFL	9.05	126.69	(117.64)
FUEVFVND	20.06	10.21	9.85
FUEVN100	0.46	4.25	(3.79)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.01	0.02	(0.01)
FUEDCMID	0.01	0.23	(0.22)
FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	0.00	0.03	(0.03)
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	**133.39**	**234.13**	**(100.74)**

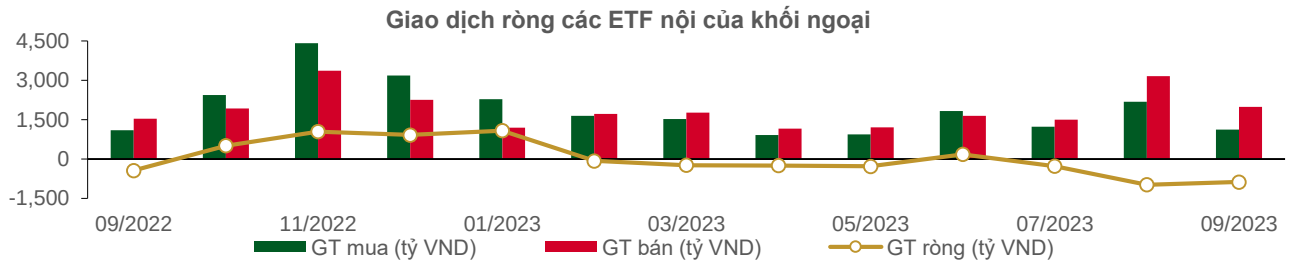

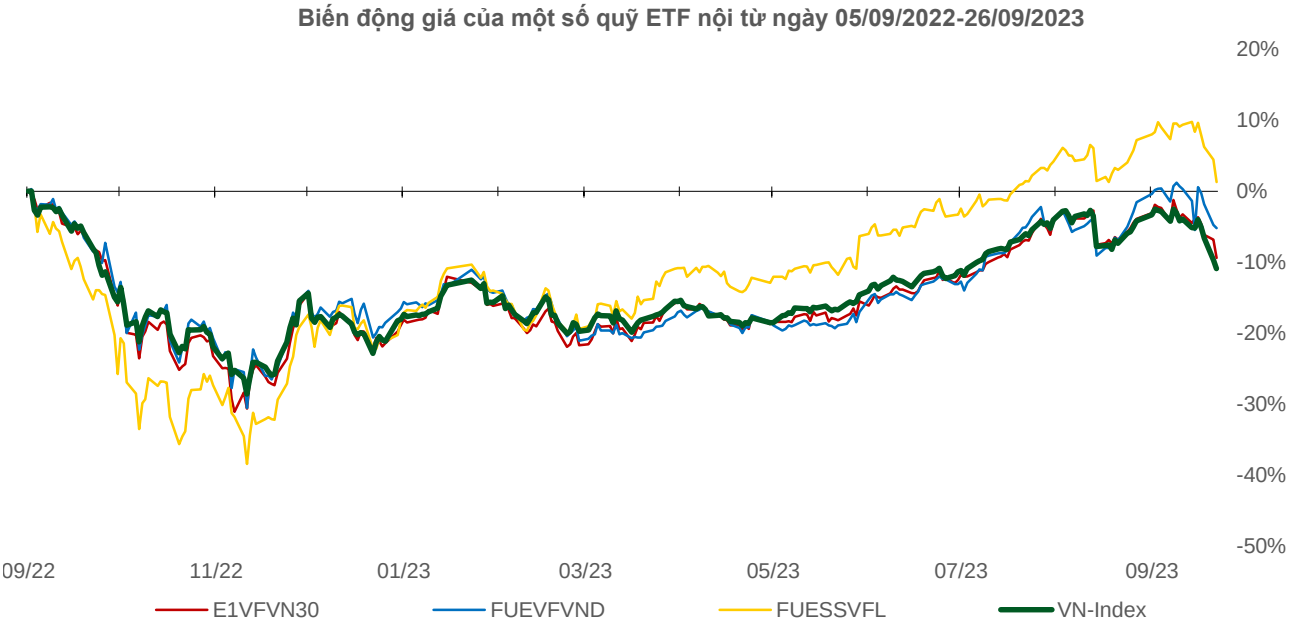

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2302	420	-6.7%	123,100	65	21,900	289	(131)	22,000	4.0	30/11/2023
CACB2303	550	-1.8%	72,870	125	21,900	354	(196)	22,500	4.0	29/01/2024
CFPT2214	3,600	1.4%	1,080	34	93,500	3,420	(180)	64,590	8.5	30/10/2023
CFPT2303	2,610	0.4%	6,430	42	93,500	2,429	(181)	73,080	8.5	07/11/2023
CFPT2304	2,430	-4.7%	25,650	79	93,500	2,297	(133)	71,170	9.9	14/12/2023
CFPT2305	3,220	0.0%	490	202	93,500	2,762	(458)	67,210	9.9	15/04/2024
CFPT2306	2,240	-5.5%	74,780	65	93,500	2,007	(233)	78,090	7.9	30/11/2023
CFPT2307	2,420	-5.8%	129,120	125	93,500	1,975	(445)	79,070	7.9	29/01/2024
CFPT2308	2,300	-8.0%	880	118	93,500	1,853	(447)	80,060	7.9	22/01/2024
CFPT2309	2,770	-4.5%	10,740	219	93,500	2,020	(750)	80,060	7.9	02/05/2024
CFPT2310	2,730	-7.5%	6,010	310	93,500	1,760	(970)	84,510	7.9	01/08/2024
CFPT2311	1,520	1.3%	21,360	170	93,500	887	(633)	88,960	9.9	14/03/2024
CFPT2312	2,390	-12.1%	260	133	93,500	1,330	(1,060)	91,530	4.9	06/02/2024
CHDB2301	390	-9.3%	6,620	30	17,400	272	(118)	16,830	3.5	26/10/2023
CHDB2302	590	-3.3%	1,510	56	17,400	386	(204)	16,540	3.5	21/11/2023
CHDB2303	590	-4.8%	20,930	86	17,400	293	(297)	17,500	3.5	21/12/2023
CHDB2304	820	-4.7%	1,010	177	17,400	338	(482)	18,280	3.5	21/03/2024
CHDB2305	710	-2.7%	10	149	17,400	280	(430)	18,470	3.5	22/02/2024
CHDB2306	910	-1.1%	10	272	17,400	344	(566)	19,340	3.5	24/06/2024
CHPG2227	3,130	6.8%	44,970	34	26,200	2,897	(233)	20,500	2.0	30/10/2023
CHPG2306	2,070	2.0%	34,600	42	26,200	2,103	33	20,000	3.0	07/11/2023
CHPG2307	1,280	3.2%	70,770	93	26,200	1,122	(158)	22,670	4.0	28/12/2023
CHPG2308	1,150	3.6%	85,660	30	26,200	1,067	(83)	22,110	4.0	26/10/2023
CHPG2309	1,550	6.9%	82,150	239	26,200	1,663	113	24,000	3.0	22/05/2024
CHPG2310	790	6.8%	7,590	2	26,200	746	(44)	23,220	4.0	28/09/2023
CHPG2311	1,430	2.9%	7,150	64	26,200	1,334	(96)	21,230	4.0	29/11/2023
CHPG2312	1,090	3.8%	2,170	93	26,200	936	(154)	23,780	4.0	28/12/2023
CHPG2313	1,310	4.8%	2,750	155	26,200	1,165	(145)	23,330	4.0	28/02/2024
CHPG2314	3,020	4.9%	22,190	154	26,200	2,948	(72)	21,450	2.0	27/02/2024
CHPG2315	1,520	42.1%	100	268	26,200	878	(642)	27,780	4.0	20/06/2024
CHPG2316	1,290	3.2%	6,790	359	26,200	950	(340)	28,890	4.0	19/09/2024
CHPG2317	890	6.0%	1,070	149	26,200	693	(197)	26,890	4.0	22/02/2024
CHPG2318	750	2.7%	27,870	178	26,200	555	(195)	29,220	4.0	22/03/2024
CHPG2319	990	2.1%	3,170	272	26,200	689	(301)	30,110	4.0	24/06/2024
CHPG2320	1,340	5.5%	22,280	79	26,200	938	(402)	27,000	2.0	14/12/2023
CHPG2321	1,980	5.9%	930	202	26,200	1,473	(507)	24,500	3.0	15/04/2024
CHPG2322	2,680	-0.4%	2,650	293	26,200	1,477	(1,203)	30,000	2.0	15/07/2024
CHPG2323	560	1.8%	259,020	65	26,200	528	(32)	26,000	4.0	30/11/2023
CHPG2324	690	7.8%	141,040	99	26,200	647	(43)	26,000	4.0	03/01/2024
CHPG2325	600	0.0%	202,980	125	26,200	566	(34)	27,500	4.0	29/01/2024
CHPG2326	870	2.4%	160,280	219	26,200	801	(69)	27,500	4.0	02/05/2024
CHPG2327	1,180	-13.9%	1,670	118	26,200	832	(348)	29,000	2.0	22/01/2024
CHPG2328	1,930	1.6%	50	219	26,200	1,418	(512)	28,500	2.0	02/05/2024
CHPG2329	2,320	5.0%	12,190	310	26,200	1,703	(617)	29,000	2.0	01/08/2024
CHPG2330	940	0.0%	10,510	170	26,200	547	(393)	31,000	3.0	14/03/2024
CMBB2215	1,950	1.6%	10,640	34	18,250	1,798	(152)	15,270	1.7	30/10/2023
CMBB2304	620	3.3%	3,830	2	18,250	617	(3)	13,010	8.5	28/09/2023
CMBB2305	620	8.8%	2,490	93	18,250	476	(144)	14,420	8.5	28/12/2023
CMBB2306	1,850	3.9%	104,270	239	18,250	1,691	(159)	16,970	1.7	22/05/2024
CMBB2307	390	5.4%	72,030	65	18,250	315	(75)	18,000	4.0	30/11/2023
CMBB2308	480	9.1%	30,160	125	18,250	368	(112)	18,500	4.0	29/01/2024
CMBB2309	630	1.6%	26,440	219	18,250	450	(180)	19,000	4.0	02/05/2024
CMBB2310	1,020	0.0%	0	118	18,250	609	(411)	19,000	2.0	22/01/2024

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2311	1,370	3.8%	50	219	18,250	901	(469)	19,000	2.0	02/05/2024
CMBB2312	1,590	8.2%	2,830	310	18,250	1,017	(573)	19,500	2.0	01/08/2024
CMBB2313	980	0.0%	0	170	18,250	444	(536)	21,000	2.0	14/03/2024
CMSN2301	540	35.0%	17,690	30	73,000	277	(263)	73,980	10.0	26/10/2023
CMSN2302	3,040	11.0%	760	239	73,000	2,153	(887)	66,000	6.0	22/05/2024
CMSN2303	20	-92.3%	27,990	2	73,000	2	(18)	78,000	10.0	28/09/2023
CMSN2304	650	10.2%	31,020	64	73,000	355	(295)	75,680	10.0	29/11/2023
CMSN2305	1,070	10.3%	8,430	155	73,000	581	(489)	76,790	10.0	28/02/2024
CMSN2306	880	7.3%	20,030	149	73,000	453	(427)	80,000	10.0	22/02/2024
CMSN2307	1,270	-1.6%	320	272	73,000	619	(651)	83,000	10.0	24/06/2024
CMSN2308	520	15.6%	66,400	65	73,000	274	(246)	80,000	8.0	30/11/2023
CMSN2309	650	6.6%	55,140	125	73,000	327	(323)	85,000	8.0	29/01/2024
CMSN2310	770	6.9%	11,170	118	73,000	364	(406)	83,000	8.0	22/01/2024
CMSN2311	1,270	1.6%	170	310	73,000	670	(600)	88,500	8.0	01/08/2024
CMSN2312	950	17.3%	3,440	133	73,000	182	(768)	98,100	5.0	06/02/2024
CMWG2215	850	14.9%	5,780	34	51,500	752	(98)	44,570	9.9	30/10/2023
CMWG2302	610	0.0%	40,900	42	51,500	693	83	49,530	5.9	07/11/2023
CMWG2303	1,020	6.3%	5,040	2	51,500	1,034	14	31,030	19.8	28/09/2023
CMWG2304	1,030	3.0%	1,890	93	51,500	915	(115)	33,680	19.8	28/12/2023
CMWG2305	4,770	2.6%	24,940	239	51,500	4,345	(425)	35,660	4.0	22/05/2024
CMWG2306	570	7.6%	204,340	65	51,500	568	(2)	50,000	8.0	30/11/2023
CMWG2307	740	0.0%	418,230	125	51,500	751	11	50,000	8.0	29/01/2024
CMWG2308	1,350	12.5%	3,720	118	51,500	981	(369)	52,000	5.0	22/01/2024
CMWG2309	1,560	2.6%	1,560	219	51,500	1,200	(360)	54,000	5.0	02/05/2024
CMWG2310	1,910	-4.0%	1,570	310	51,500	1,442	(468)	54,500	5.0	01/08/2024
CMWG2311	900	0.0%	0	133	51,500	935	35	58,900	3.0	06/02/2024
CNVL2301	880	-6.4%	10,600	30	15,150	504	(376)	13,460	4.0	26/10/2023
CNVL2302	710	-9.0%	2,980	56	15,150	217	(493)	16,330	4.0	21/11/2023
CNVL2303	900	-10.9%	5,500	177	15,150	396	(504)	17,330	4.0	21/03/2024
CNVL2304	1,050	-20.5%	9,700	87	15,150	371	(679)	15,560	4.0	22/12/2023
CNVL2305	1,460	4.3%	11,910	272	15,150	569	(891)	17,000	4.0	24/06/2024
CPDR2301	2,210	-5.6%	6,560	30	21,950	1,941	(269)	14,220	4.0	26/10/2023
CPDR2302	1,450	7.4%	28,780	56	21,950	973	(477)	18,670	4.0	21/11/2023
CPDR2303	1,680	4.4%	16,780	177	21,950	1,100	(580)	19,890	4.0	21/03/2024
CPDR2304	1,490	-9.2%	48,660	87	21,950	1,181	(309)	18,000	4.0	22/12/2023
CPDR2305	1,820	-1.6%	29,630	272	21,950	1,252	(568)	20,220	4.0	24/06/2024
CPOW2301	130	-50.0%	6,010	30	11,650	10	(120)	13,980	2.0	26/10/2023
CPOW2302	390	0.0%	0	56	11,650	29	(361)	14,330	2.0	21/11/2023
CPOW2303	320	-8.6%	240	86	11,650	29	(291)	15,330	2.0	21/12/2023
CPOW2304	330	0.0%	22,510	177	11,650	73	(257)	16,330	2.0	21/03/2024
CPOW2305	380	-9.5%	6,730	149	11,650	107	(273)	15,000	2.0	22/02/2024
CPOW2306	580	-7.9%	10	272	11,650	177	(403)	16,000	2.0	24/06/2024
CPOW2307	330	0.0%	45,180	79	11,650	111	(219)	13,500	2.0	14/12/2023
CPOW2308	410	-6.8%	35,400	202	11,650	228	(182)	12,000	5.0	15/04/2024
CPOW2309	660	0.0%	15,960	232	11,650	249	(411)	14,500	2.0	15/05/2024
CPOW2310	800	-18.4%	160	118	11,650	269	(531)	14,000	1.0	22/01/2024
CPOW2311	250	-55.4%	26,080	133	11,650	131	(119)	15,500	1.0	06/02/2024
CSTB2225	5,570	-10.2%	24,230	34	31,350	5,451	(119)	20,500	2.0	30/10/2023
CSTB2303	4,930	-0.6%	3,820	42	31,350	4,715	(215)	22,000	2.0	07/11/2023
CSTB2304	750	1.4%	33,300	30	31,350	659	(91)	28,670	5.0	26/10/2023
CSTB2305	1,030	-9.7%	20	93	31,350	820	(210)	29,110	5.0	28/12/2023
CSTB2306	3,200	18.5%	17,560	239	31,350	2,676	(524)	30,000	2.0	22/05/2024
CSTB2307	320	3.2%	72,100	2	31,350	288	(32)	30,000	5.0	28/09/2023
CSTB2308	1,040	1.0%	57,480	64	31,350	903	(137)	27,800	5.0	29/11/2023
CSTB2309	860	1.2%	4,520	93	31,350	660	(200)	30,560	5.0	28/12/2023
CSTB2310	1,070	-0.9%	56,270	155	31,350	854	(216)	30,330	5.0	28/02/2024
CSTB2311	2,340	-1.7%	10,220	63	31,350	2,287	(53)	27,700	2.0	28/11/2023
CSTB2312	1,210	-1.6%	1,000	268	31,350	842	(368)	33,330	5.0	20/06/2024
CSTB2313	1,320	2.3%	10	359	31,350	854	(466)	35,560	5.0	19/09/2024
CSTB2314	980	0.0%	810	149	31,350	666	(314)	32,220	5.0	22/02/2024

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2315	870	3.6%	25,050	178	31,350	579	(291)	34,330	5.0	22/03/2024
CSTB2316	1,040	-5.5%	10	272	31,350	650	(390)	36,330	5.0	24/06/2024
CSTB2317	1,430	1.4%	23,820	79	31,350	1,124	(306)	30,000	3.0	14/12/2023
CSTB2318	1,450	6.6%	27,530	232	31,350	1,094	(356)	32,000	4.0	15/05/2024
CSTB2319	970	-1.0%	55,830	202	31,350	738	(232)	27,000	9.0	15/04/2024
CSTB2320	1,080	0.0%	39,390	65	31,350	1,013	(67)	28,500	4.0	30/11/2023
CSTB2321	1,230	-0.8%	298,690	125	31,350	1,151	(79)	29,000	4.0	29/01/2024
CSTB2322	1,510	0.0%	1,490	219	31,350	1,287	(223)	30,000	4.0	02/05/2024
CSTB2323	1,340	-4.3%	21,140	118	31,350	1,128	(212)	29,000	4.0	22/01/2024
CSTB2324	1,440	2.9%	117,450	219	31,350	1,169	(271)	31,000	4.0	02/05/2024
CSTB2325	1,700	3.0%	6,890	310	31,350	1,335	(365)	31,500	4.0	01/08/2024
CTCB2216	1,420	-7.8%	11,360	34	32,400	1,278	(142)	27,500	4.0	30/10/2023
CTCB2302	2,720	0.7%	11,490	239	32,400	2,458	(262)	27,000	3.0	22/05/2024
CTCB2303	550	-8.3%	8,140	65	32,400	440	(110)	33,500	4.0	30/11/2023
CTCB2304	790	-7.1%	12,860	125	32,400	566	(224)	34,500	4.0	29/01/2024
CTCB2305	1,110	-7.5%	21,320	118	32,400	807	(303)	32,000	4.0	22/01/2024
CTCB2306	1,750	0.0%	0	219	32,400	1,090	(660)	32,000	4.0	02/05/2024
CTCB2307	1,610	-5.3%	39,500	310	32,400	1,083	(527)	34,000	4.0	01/08/2024
CTCB2308	950	0.0%	0	170	32,400	664	(286)	37,000	3.0	14/03/2024
CTPB2302	530	0.0%	4,360	2	17,700	484	(46)	14,220	7.2	28/09/2023
CTPB2303	580	3.6%	1,150	93	17,700	342	(238)	15,810	7.2	28/12/2023
CVHM2220	200	-52.4%	15,660	34	45,000	5	(195)	58,000	5.0	30/10/2023
CVHM2301	60	-75.0%	26,730	30	45,000	3	(57)	56,880	8.0	26/10/2023
CVHM2302	1,940	-4.4%	12,200	239	45,000	908	(1,032)	50,000	4.0	22/05/2024
CVHM2303	20	-90.9%	16,330	2	45,000	0	(20)	59,890	8.0	28/09/2023
CVHM2304	490	8.9%	2,750	64	45,000	62	(428)	53,560	8.0	29/11/2023
CVHM2305	410	0.0%	61,940	155	45,000	120	(290)	57,780	8.0	28/02/2024
CVHM2306	620	-4.6%	140	149	45,000	76	(544)	60,670	8.0	22/02/2024
CVHM2307	580	-3.3%	4,100	272	45,000	169	(411)	62,670	8.0	24/06/2024
CVHM2308	150	-48.3%	48,410	65	45,000	10	(140)	61,000	8.0	30/11/2023
CVHM2309	160	-46.7%	111,020	125	45,000	43	(117)	62,000	8.0	29/01/2024
CVHM2310	420	-23.6%	770	118	45,000	101	(319)	59,000	5.0	22/01/2024
CVHM2311	1,050	-13.9%	100	310	45,000	392	(658)	60,500	5.0	01/08/2024
CVHM2312	1,000	0.0%	2,830	219	45,000	378	(622)	56,000	5.0	02/05/2024
CVIB2302	1,710	-0.6%	43,810	239	19,250	1,333	(377)	19,150	1.7	22/05/2024
CVIB2303	250	-16.7%	266,920	65	19,250	159	(91)	20,500	4.0	30/11/2023
CVIC2301	500	0.0%	11,160	30	45,000	6	(494)	53,980	8.0	26/10/2023
CVIC2302	810	-15.6%	5,750	56	45,000	16	(794)	55,670	8.0	21/11/2023
CVIC2303	850	-15.0%	5,740	86	45,000	24	(826)	57,780	8.0	21/12/2023
CVIC2304	860	-14.0%	2,280	177	45,000	74	(786)	59,890	8.0	21/03/2024
CVIC2305	770	-13.5%	6,100	149	45,000	43	(727)	61,110	8.0	22/02/2024
CVIC2306	1,680	-0.6%	1,310	272	45,000	120	(1,560)	62,220	8.0	24/06/2024
CVIC2307	650	-7.1%	44,110	65	45,000	9	(641)	58,500	8.0	30/11/2023
CVNM2301	1,100	-5.2%	19,020	30	76,100	986	(114)	66,710	9.7	26/10/2023
CVNM2302	670	-8.2%	23,910	2	76,100	637	(33)	69,940	9.7	28/09/2023
CVNM2303	1,220	-2.4%	2,430	64	76,100	919	(301)	67,790	9.7	29/11/2023
CVNM2304	1,470	-7.6%	230	155	76,100	962	(508)	68,760	9.7	28/02/2024
CVNM2305	1,320	-6.4%	810	149	76,100	785	(535)	71,020	9.7	22/02/2024
CVNM2306	1,650	-6.8%	2,920	272	76,100	820	(830)	73,170	9.7	24/06/2024
CVNM2307	810	-4.7%	32,060	65	76,100	444	(366)	75,000	8.0	30/11/2023
CVNM2308	1,920	-8.1%	770	219	76,100	1,246	(674)	69,000	8.0	02/05/2024
CVNM2309	1,110	-2.6%	350	133	76,100	410	(700)	82,000	5.0	06/02/2024
CVPB2303	300	-11.8%	5,250	2	20,450	292	(8)	15,780	16.0	28/09/2023
CVPB2304	400	0.0%	9,400	93	20,450	237	(163)	17,000	16.0	28/12/2023
CVPB2305	1,690	-1.7%	10,280	202	20,450	1,205	(485)	18,000	3.0	15/04/2024
CVPB2306	1,330	13.7%	32,800	79	20,450	806	(524)	20,000	2.0	14/12/2023
CVPB2307	350	0.0%	202,490	65	20,450	205	(145)	21,500	4.0	30/11/2023
CVPB2308	460	-4.2%	49,290	125	20,450	282	(178)	22,000	4.0	29/01/2024
CVPB2309	640	-7.3%	132,820	219	20,450	385	(255)	22,500	4.0	02/05/2024
CVPB2310	1,110	-15.3%	1,720	118	20,450	628	(482)	21,500	2.0	22/01/2024

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2311	1,990	8.2%	5,520	219	20,450	1,161	(829)	20,500	2.0	02/05/2024
CVPB2312	2,110	-8.7%	130	310	20,450	1,287	(823)	21,000	2.0	01/08/2024
CVPB2313	860	0.0%	0	133	20,450	286	(574)	24,400	2.0	06/02/2024
CVRE2221	70	-75.0%	36,200	34	25,800	10	(60)	32,500	4.0	30/10/2023
CVRE2302	110	-47.6%	40,200	30	25,800	62	(48)	28,670	5.0	26/10/2023
CVRE2303	2,190	-4.4%	470	239	25,800	1,276	(914)	25,000	3.0	22/05/2024
CVRE2304	20	-89.5%	63,560	2	25,800	0	(20)	30,000	5.0	28/09/2023
CVRE2305	380	-26.9%	21,530	64	25,800	242	(138)	27,110	5.0	29/11/2023
CVRE2306	510	-13.6%	24,810	155	25,800	295	(215)	29,330	5.0	28/02/2024
CVRE2307	450	-10.0%	6,800	149	25,800	234	(216)	30,330	5.0	22/02/2024
CVRE2308	680	-18.1%	5,960	272	25,800	366	(314)	31,330	5.0	24/06/2024
CVRE2309	150	-21.1%	380,380	65	25,800	113	(37)	29,000	6.0	30/11/2023
CVRE2310	220	-21.4%	41,670	125	25,800	174	(46)	30,000	6.0	29/01/2024
CVRE2311	600	-15.5%	11,760	118	25,800	308	(292)	29,000	4.0	22/01/2024
CVRE2312	950	-8.7%	3,220	219	25,800	650	(300)	27,500	4.0	02/05/2024
CVRE2313	1,050	-19.2%	320	310	25,800	645	(405)	29,500	4.0	01/08/2024
CVRE2314	350	-31.4%	1,030	133	25,800	149	(201)	34,100	3.0	06/02/2024

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
POW	HOSE	11,650	14,800	22/09/2023	1,817	23.6	1.1
VPB	HOSE	20,450	24,400	21/09/2023	14,007	11.8	1.0
ANV	HOSE	35,600	44,600	20/09/2023	574	10.3	1.7
SAB	HOSE	75,300	175,900	11/09/2023	4,552	25.9	4.5
BSR	UPCOM	20,808	20,200	30/08/2023	7,288	8.7	1.1
VNM	HOSE	76,100	73,100	25/08/2023	9,365	16.3	4.9
MSH	HOSE	41,100	49,350	23/08/2023	270	13.7	2.0
DPR	HOSE	63,000	88,000	18/08/2023	302	10.4	1.1
GAS	HOSE	88,800	111,000	17/08/2023	13,268	16.2	3.2
DGW	HOSE	54,000	50,800	14/08/2023	440	18.8	3.1
STK	HOSE	32,900	39,050	09/08/2023	152	24.2	1.9
IDC	HNX	46,100	48,527	03/08/2023	48,527	6.1	2.8
PNJ	HOSE	78,500	89,000	03/08/2023	1,729	12.2	3.0
NT2	HOSE	24,500	32,500	02/08/2023	671	13.9	2.1
STB	HOSE	31,350	38,000	14/07/2023	7,259	9.9	1.6
TCM	HOSE	47,400	52,300	06/07/2023	211	20.4	2.1
PLX	HOSE	37,100	45,100	05/07/2023	3,513	18.3	2.5
ACB	HOSE	21,900	25,400	30/06/2023	14,955	6.6	1.3
VCB	HOSE	87,000	131,270	13/06/2023	36,911	16.8	3.6
BID	HOSE	44,350	57,956	13/06/2023	23,019	12.7	2.3
CTG	HOSE	30,300	39,700	13/06/2023	19,121	10.0	1.5
MBB	HOSE	18,250	27,200	13/06/2023	21,242	5.8	1.2
HDB	HOSE	17,400	23,170	13/06/2023	10,216	6.2	1.3
TCB	HOSE	32,400	47,270	13/06/2023	21,351	7.8	1.2
TPB	HOSE	17,700	24,000	13/06/2023	6,732	5.7	1.0
OCB	HOSE	13,450	22,700	13/06/2023	4,354	7.2	1.1
VIB	HOSE	19,250	29,300	13/06/2023	9,378	6.6	1.5
LPB	HOSE	13,200	18,800	13/06/2023	4,925	6.6	1.1
MSB	HOSE	13,500	21,900	13/06/2023	4,803	9.1	1.4

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SHB	HOSE	10,800	15,600	13/06/2023	8,035	6.0	0.9
DHG	HOSE	116,200	111,600	13/06/2023	1,061	13.8	3.0
IMP	HOSE	68,200	68,000	13/06/2023	286	15.9	2.2
GEG	HOSE	14,000	18,800	13/06/2023	208	46.5	1.7
QTP	UPCOM	15,409	23,900	13/06/2023	1,300	8.3	1.6
PVS	HNX	36,100	30,700	13/06/2023	1,059	16.8	1.2
MPC	UPCOM	19,174	19,200	13/06/2023	597	12.9	1.3
FMC	HOSE	48,300	50,700	13/06/2023	314	10.5	1.4
VHM	HOSE	45,000	83,100	13/06/2023	29,034	12.5	2.3
NLG	HOSE	32,900	38,400	13/06/2023	642	22.9	1.4
KDH	HOSE	31,500	36,500	13/06/2023	1,363	19.1	1.9
VRE	HOSE	25,800	39,700	13/06/2023	3,345	26.9	2.6
KBC	HOSE	31,650	32,000	13/06/2023	2,073	11.9	1.3
MWG	HOSE	51,500	50,000	13/06/2023	2,325	33.3	3.0
FRT	HOSE	83,900	85,000	13/06/2023	107	111.1	6.6
HPG	HOSE	26,200	35,400	13/06/2023	7,698	16.6	1.2
SBT	HOSE	14,300	16,700	13/06/2023	827	15.7	1.1
PVI	HNX	49,800	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
BMI	HOSE	25,750	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
BVH	HOSE	42,000	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
VHC	HOSE	75,400	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
SZC	HOSE	34,000	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
GVR	HOSE	18,950	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
LHG	HOSE	31,000	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
PVT	HOSE	25,750	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
TRA	HOSE	86,000	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM.
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912